

Số: /TTr-UBND

Minh Long, ngày tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH
Thẩm định nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch
chung đô thị mới Minh Long

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư: số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; số 03/2026/TT-BXD ngày 28/1/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều của Nghị định về phát triển đô thị thông minh;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/08/2025 của Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Minh Long, huyện Minh Long và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-20230, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2028;

Căn cứ Công văn góp ý của các Sở, ngành: Xây dựng tại Công văn số 4924/SXD-QHKT ngày 02/7/2026; Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 3357/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 06/7/2026; Công Thương tại Công văn số 4080/SCT-VP ngày 03/7/2026, Tài chính tại Công văn số 5582/STC-QLN ngày 01/7/2026); Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 2809/SVHTTDL-VP ngày 07/7/2026; Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 7839/STNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2026; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Công văn số 3272/BCH-TM ngày 14/7/2026; Công an tỉnh tại Công văn số 4590/CAT-ANKT ngày 01/7/2026); Công văn số 1004/UBND-KT ngày 04/8/2026 của UBND xã Minh Long về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý đối với Nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch chung đô thị mới Minh Long.

Triển khai nhiệm vụ được giao, UBND xã Minh Long đã tổ chức lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị mới Minh Long và lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định. Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý, UBND xã Minh Long đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung Nhiệm vụ quy hoạch. Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo, Ủy ban nhân dân xã kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính xã Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi, có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc: giáp xã Sơn Mai;
- + Phía Nam: giáp xã Ba Vinh;
- + Phía Đông: giáp xã Thiện Tín;
- + Phía Tây: giáp xã Sơn Kỳ, xã Sơn Thủy và xã Sơn Linh.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 12.474,16 ha.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch

2.1. Quan điểm

- Phát triển đô thị Minh Long theo hướng xanh, sinh thái, bền vững, phù hợp với đặc điểm đô thị miền núi, tôn trọng địa hình tự nhiên, bảo vệ rừng, sông suối, cảnh quan thung lũng và hệ sinh thái đặc trưng. Đồng thời tổ chức không gian đô thị hài hòa giữa khu trung tâm đô thị, các khu dân cư hiện hữu, không gian nông – lâm nghiệp, mặt nước, cây xanh và cảnh quan tự nhiên.

- Phát triển Minh Long trở thành trung tâm đô thị tiểu vùng phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, giữ vai trò trung tâm hành chính – dịch vụ – đô thị sinh thái của khu vực phía Tây Nam tỉnh; là hạt nhân phát triển vùng kinh tế rừng xanh, nông – lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa Hrê; đồng thời là đầu mối kết nối giữa đồng bằng ven biển với các xã miền núi phía Tây.

- Phát triển đô thị gắn với liên kết vùng và vai trò cầu nối giữa đồng bằng ven biển với miền núi phía Tây. Minh Long là vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi, là cầu nối giữa khu vực ven biển và các miền núi phía Tây; do đó, đô thị Minh Long cần được tổ chức như một điểm trung tâm hỗ trợ giao thương, dịch vụ, tiêu thụ nông sản, phát triển du lịch và kết nối các xã miền núi.

- Phát triển đô thị gắn với vùng kinh tế rừng xanh và hành lang kinh tế xanh của tỉnh. Minh Long thuộc vùng kinh tế rừng xanh, được định hướng phát triển kinh tế rừng, dược liệu, nông nghiệp sinh thái, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn cảnh quan và bản sắc văn hóa miền núi. Vì vậy, đô thị Minh Long cần xác lập mô hình phát triển khác biệt: đô thị sinh thái miền núi, lấy kinh tế xanh, dịch vụ, du lịch và nông – lâm nghiệp bền vững làm nền tảng.

- Phát triển đô thị gắn với nâng cao chất lượng sống và bảo tồn bản sắc văn hóa Hrê. Minh Long cần ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng, công viên cây xanh, dịch vụ giáo dục – y tế – văn hóa; đồng thời bảo tồn cấu trúc làng xóm, không gian văn hóa bản địa, cảnh quan nông nghiệp và các giá trị cộng đồng miền núi.

2.2. Mục tiêu phát triển

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển không gian theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan;

- Rà soát, cập nhật những nội dung thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã...trong thời kỳ mới;

- Định hướng không gian và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị, sử dụng đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả;

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó, chú trọng khai thác được lợi thế của khu vực;

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Bảo

vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và cải thiện cảnh quan đô thị, bảo tồn các giá trị văn hóa – lịch sử – tín ngưỡng, xây dựng đô thị xanh, sạch, an toàn, giàu bản sắc;

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch, đảm bảo thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch:

3.1. Tính chất:

- Là đô thị mới trung tâm tiểu vùng phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, giữ vai trò đầu mối kết nối giữa khu vực đồng bằng ven biển với vùng trung du, miền núi phía Tây; là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, dịch vụ, thương mại, nông – lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hóa Hre;

- Là đô thị sinh thái, du lịch cộng đồng và văn hóa miền núi, phát huy các giá trị cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái rừng và bản sắc văn hóa địa phương; phát triển theo mô hình đô thị xanh, sinh thái, bền vững, gắn với vùng kinh tế rừng xanh và hành lang kinh tế xanh của tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại và phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

3.2. Vai trò, chức năng:

- Là một bộ phận của không gian sinh thái miền núi Trung Trung Bộ, góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học; phát triển kinh tế xanh, nông – lâm nghiệp bền vững và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số. Đồng thời góp phần tăng cường liên kết Đông – Tây giữa khu vực duyên hải miền Trung với Tây Nguyên, hỗ trợ kết nối các hành lang kinh tế liên vùng.

- Là không gian chuyển tiếp sinh thái – kinh tế – văn hóa giữa đồng bằng ven biển Quảng Ngãi và khu vực miền núi phía Tây; tham gia mạng lưới liên kết phát triển nông – lâm nghiệp, dược liệu, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và văn hóa bản địa. Minh Long góp phần hình thành chuỗi liên kết từ khu vực ven biển, đô thị trung tâm tỉnh đến các khu vực miền núi và Tây Nguyên.

- Là trung tâm hành chính, dịch vụ và đô thị sinh thái của khu vực Minh Long; được định hướng phát triển đô thị miền núi gắn với kinh tế rừng xanh, nông – lâm nghiệp, dược liệu, thương mại – dịch vụ, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng; đồng thời là đầu mối kết nối các xã miền núi phía Tây Nam với khu vực đồng bằng và các trung tâm phát triển của tỉnh. Phát triển Minh Long góp phần thu hẹp chênh lệch giữa miền núi và đồng bằng, bảo tồn văn hóa Hre, bảo vệ môi trường sinh thái và thúc đẩy phát triển bền vững khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo dân số, lao động:

Dự báo dân số đến năm 2035 khoảng 12.200 người, tổng số lao động trong độ tuổi năm 2035 khoảng 7.320 người (chiếm 60% tổng dân số).

Dự báo dân số đến năm 2050 khoảng 16.300 người, tổng số lao động trong độ tuổi năm 2050 khoảng 9.460 người (chiếm 58% tổng dân số).

4.2. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất chính:

Đề xuất các chỉ tiêu đất dân dụng đô thị mới Minh Long áp dụng theo tiêu chí đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị), Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01:2021/BXD, tham khảo Thông tư số 46/2026/TT-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2026/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn (*Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2027 và thay thế Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng*).

Một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1.1	Đất dân dụng	m²/người	60-110⁽¹⁾
1.2	Đất đơn vị ở	m²/người	35-55
1.3	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp khu vực	m²/người	≥ 3,5
1.4	Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp khu vực		
1.4.1	Giáo dục (Trường trung học phổ thông)	m ² /người	≥ 0,6
1.4.2	Y tế (Bệnh viện, phòng khám đa khoa)	m ² /người	≥ 0,4
1.4.3	Văn hóa - Thể dục thể thao (Sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm văn hóa, triển lãm, nhà hát, thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao).	m ² /người	≥ 1,6

¹ Đối với khu vực phát triển mới chọn chỉ tiêu đất dân dụng bình quân tối đa 100 (m²/người) bảo đảm theo quy chuẩn hiện hành.

1.4.4	Dịch vụ công cộng khác (Cơ sở hành chính cấp xã, Chợ đầu mối, Bưu điện, Trung tâm du lịch).	m ² /người	≥ 0,4	
1.5	Đất dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở			
1.5.1	Giáo dục			
	<i>Trường trung học cơ sở</i>	<i>m²/người</i>	≥ 0,55	
	<i>Trường tiểu học</i>	<i>m²/người</i>	≥ 0,65	
	<i>Trường mầm non</i>	<i>m²/người</i>	≥ 0,60	
1.5.2	Dịch vụ công cộng khác (Điểm dịch vụ công, trạm y tế, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, chợ)	m ² /người	≥ 0,20	
II	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
2.1	Giao thông (tính đến đường khu vực)	% diện tích đất xây dựng đô thị	≥ 13 (không bao gồm giao thông tỉnh)	
2.2	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người-ng. đêm	≥ 120	≥ 150
2.3	Chỉ tiêu cấp điện			
	Sinh hoạt	W/người	≥ 300	≥ 500
	Công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	35	35
2.4	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải	% nước cấp sinh hoạt	≥ 90	≥ 95
2.5	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	kg/người/ng. đêm	0,9	0,9
2.6	Nghĩa trang	ha/1.000 dân	≥ 0,04	≥ 0,04
2.7	Mật độ đường cống thoát nước mưa	%	100	100

2.8	Hạ tầng viễn thông và hạ tầng số			
	Thuê bao Internet	Thuê bao/hộ	≥ 1	≥ 1
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet cáp quang	%	$\geq 90\%$	100%
	Tỷ lệ ngấm hóa viễn thông	%	100% khu vực trung tâm	100% khu vực trung tâm
	Mật độ trạm BTS (địa hình đồi núi)		1 trạm/1-2 km ²	1 trạm/1-2 km ²
	Mật độ trạm BTS 5G		1 trạm/500-700 m khu vực trung tâm xã	1 trạm/500-700 m khu vực trung tâm xã
	Tỷ lệ phủ sóng 5G	%	100% dân cư	100% dân cư
	Tỷ lệ cột ăng-ten dùng chung	%	$\geq 70\%$	$\geq 80\%$
	Cơ quan nhà nước kết nối mạng truyền số liệu dùng chung	%	100%	100%

Ghi chú: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án có thể được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tính đặc thù của khu vực quy hoạch hoặc trong trường hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng có sự điều chỉnh.

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

5.1. Thu thập tài liệu, số liệu và rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí đô thị:

- Nguồn tài liệu, số liệu, thông tin về hiện trạng phải bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, có nguồn rõ ràng; bảo đảm tính khoa học, đủ số lượng, đủ độ dài chuỗi dữ liệu theo thời gian để phục vụ công tác phân tích, đánh giá, dự báo trong quá trình lập quy hoạch.

- Trên cơ sở rà soát các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đã và đang thực hiện trên địa bàn; rà soát các nội dung định hướng của quốc gia, vùng và của tỉnh đối với khu vực nghiên cứu nhằm khai thác tối ưu các quỹ đất, tiềm

năng phát triển từng khu vực; đề xuất các khu chức năng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Nội dung nghiên cứu đồ án thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; các văn bản có liên quan và các quy hoạch cấp trên.

5.2. Yêu cầu phân tích, đánh giá tổng hợp:

- Phân tích, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn đô thị mới Minh Long.

- Làm rõ các tiềm năng, lợi thế của đô thị trong mối liên kết với khu vực miền núi phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi và Tây Nguyên.

- Đánh giá hiện trạng phát triển các ngành nông – lâm nghiệp, thương mại – dịch vụ, du lịch; hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, logistics, hạ tầng du lịch và khả năng phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Đánh giá các tồn tại, hạn chế trong phát triển như địa hình đồi núi phức tạp, nguy cơ sạt lở, ngập cục bộ, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế và các vấn đề về bảo vệ rừng, môi trường sinh thái.

- Đánh giá vai trò, mối liên kết của đô thị với các khu vực lân cận, hệ thống giao thông đối ngoại và không gian phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Tây Nam của tỉnh; làm rõ hơn vai trò của đô thị mới Minh Long trong không gian phát triển du lịch phía Tây Nam của tỉnh, nhất là vị trí trung tâm tiểu vùng kết nối sinh thái – văn hóa trong không gian chuyển tiếp Đông – Tây, góp phần liên kết đồng bằng ven biển Quảng Ngãi với miền núi phía Tây và Tây Nguyên thông qua các tuyến ĐT.624, ĐT.628 và các trục giao thông liên vùng. Trên cơ sở đó, cần xác định du lịch là một trong những chức năng quan trọng của đô thị miền núi Minh Long, góp phần phát triển thương mại, dịch vụ, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Rà soát việc thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn; xác định những tồn tại, hạn chế trong quản lý, phát triển không gian, sử dụng đất và đầu tư hạ tầng cần giải quyết trong giai đoạn mới.

5.3. Yêu cầu nghiên cứu các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia có tác động đến phạm vi lập quy hoạch, kế thừa các quy hoạch đã được phê duyệt trước đây:

- Nghiên cứu các phương hướng phát triển của các quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm

2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Rà soát các quy hoạch đã được phê duyệt trước đây, các quy hoạch ngành, dự án đầu tư và chương trình phát triển có liên quan; xác định rõ nội dung được kế thừa, nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế để phù hợp phạm vi đơn vị hành chính mới.

5.4. Xác định mục tiêu, tính chất, động lực phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Xác định mục tiêu phát triển đô thị Minh Long trở thành trung tâm tiểu vùng phía Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi, phát triển theo hướng xanh, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Làm rõ tính chất đô thị là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, văn hóa – xã hội, du lịch và hỗ trợ phát triển khu vực miền núi.

Xác định các động lực phát triển chính gồm: giao thông kết nối vùng, thương mại – dịch vụ, du lịch sinh thái – văn hóa, kinh tế rừng và nông nghiệp sinh thái.

Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp tiêu chuẩn đô thị loại III.

5.5. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian

- Lựa chọn mô hình và cơ cấu phát triển đô thị: Xác định nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm địa hình miền núi, cảnh quan tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội. Ưu tiên mô hình đô thị sinh thái, tập trung, tiết kiệm đất, kết hợp hài hòa giữa phát triển đô thị và bảo tồn cảnh quan.

- Đề xuất cấu trúc phát triển không gian đô thị, các khu chức năng, khu trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm thương mại dịch vụ, khu dân cư, khu công viên cây xanh, không gian công cộng, khu sản xuất và các khu vực dự trữ phát triển. Đồng thời nghiên cứu giải pháp tổ chức kiến trúc cảnh quan phù hợp với điều kiện địa hình đồi núi, sông suối và bản sắc văn hóa địa phương.

- Định hướng các khu vực chỉnh trang, cải tạo, bảo tồn, phát triển mới, khu vực hạn chế xây dựng; xác định cơ cấu và chỉ tiêu sử dụng đất theo từng giai đoạn.

5.6. Yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất

- Xác định cơ cấu sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, phù hợp định hướng phát triển đô thị miền núi sinh thái và nhu cầu phát triển lâu dài của đô thị mới Minh Long.

- Phân bổ quỹ đất cho các chức năng: đất ở, thương mại – dịch vụ, nông – lâm nghiệp, du lịch sinh thái, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và công trình công

cộng.

- Dành quỹ đất phù hợp để phát triển các khu dịch vụ – logistics, khu du lịch sinh thái và các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến nông – lâm sản.

- Bảo vệ quỹ đất rừng phòng hộ, đất lâm nghiệp, hành lang sông suối và các khu vực cảnh quan sinh thái; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

5.7. Yêu cầu về quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

Rà soát, xác định nhu cầu phát triển các công trình hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và các thiết chế công cộng. Đề xuất nhu cầu cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại III và yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn mới.

5.8. Yêu cầu về định hướng phát triển các ngành kinh tế

- Phát triển kinh tế đô thị Minh Long theo hướng xanh, bền vững, phát huy lợi thế sinh thái rừng, bản sắc văn hóa và liên kết vùng, phù hợp định hướng phát triển của tỉnh Quảng Ngãi.

- Đẩy mạnh thương mại – dịch vụ gắn với các tuyến ĐT.624, ĐT.628 và các trục liên vùng; phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm sản, dược liệu và tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng sản phẩm đặc trưng, OCOP, dược liệu, cây ăn quả, lâm sản ngoài gỗ và kinh tế dưới tán rừng.

- Phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, văn hóa và trải nghiệm nông nghiệp trên cơ sở khai thác cảnh quan rừng núi, bản sắc văn hóa Hre và liên kết các điểm du lịch trong tỉnh.

- Gắn phát triển kinh tế với bảo tồn cảnh quan, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Hre, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm quốc phòng – an ninh, hướng tới xây dựng Minh Long thành đô thị sinh thái đặc trưng khu vực miền núi.

5.9. Thiết kế đô thị và kiến trúc cảnh quan

Xác định các vùng cảnh quan, khu vực bảo tồn, các trục không gian chính, cửa ngõ, quảng trường, điểm nhấn đô thị, hệ thống cây xanh – mặt nước; tổ chức không gian đô thị phù hợp với điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa địa phương.

5.10. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, có khả năng kết nối liên xã, liên vùng theo hướng hạ tầng kỹ thuật dùng chung, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại III và phù hợp với các quy hoạch cấp trên, bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của đô thị mới Minh Long.

- Về giao thông: Định hướng hệ thống giao thông phải đồng bộ, đảm bảo kết nối liên xã, phường và kết nối với các khu vực lân cận. Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí quy mô các công trình đầu mối giao thông;

- Về chuẩn bị kỹ thuật: Định hướng chuẩn bị kỹ thuật, san nền và thoát nước mưa phù hợp điều kiện tự nhiên, bảo đảm tiêu thoát nước toàn lưu vực; rà soát hiện trạng và đề xuất giải pháp về thủy lợi, cấp nước sạch, tiêu úng, phòng chống sạt lở bờ sông. Xác định nhu cầu, nguồn nước phục vụ các ngành kinh tế - xã hội, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi và phương án phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai.

- Về cấp nước: Định hướng phát triển hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm an toàn, ổn định và đáp ứng nhu cầu lâu dài; xác định nhu cầu, nguồn cấp nước, vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải – phân phối chính. Bố trí quỹ đất, hành lang kỹ thuật phù hợp, từng bước hạn chế các nguồn cấp nước nhỏ lẻ, phân tán, bảo đảm thuận lợi cho đầu tư, nâng cấp và mở rộng hệ thống.

- Về phòng cháy và chữa cháy: Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Định hướng phát triển trục giao thông, tuyến truyền dẫn cấp nước, tuyến thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Về cung cấp năng lượng và chiếu sáng: Định hướng hệ thống cấp điện đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực và Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi; xác định nhu cầu phụ tải, nguồn và lưới điện, vị trí và quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới truyền tải – phân phối. Khuyến khích tích hợp năng lượng tái tạo, hạ tầng sạc điện; bố trí quỹ đất, hành lang an toàn công trình điện đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất, giao thông và các hạ tầng kỹ thuật liên quan.

- Về thoát nước thải và xử lý chất thải rắn: Định hướng hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải; xây dựng hệ thống thoát nước thải, bố trí trạm xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Xác định vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn tập trung mang tính liên xã, nâng cao hiệu quả thu gom và xử lý rác thải.

- Về nghĩa trang: Định hướng Quy hoạch nghĩa trang tập trung, từng bước di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ trong khu dân cư; không quy hoạch xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô nghĩa trang trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại khoản 8 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023.

- Về hạ tầng bưu chính, viễn thông: Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông, bưu chính đồng bộ, hiện đại, gắn với chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số; tăng cường dùng chung hạ tầng kỹ thuật, từng bước chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp tại các khu vực trọng điểm. Phát triển hạ tầng băng rộng, 5G, Wi-Fi công cộng và bưu chính – logistics, bảo đảm khả năng kết nối, mở rộng và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh đến năm 2050.

- Về phát triển hạ tầng số: Định hướng phát triển đồng bộ hạ tầng số với

hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Từng bước hoàn thiện mạng cáp quang băng rộng, IoT, camera giám sát, Wi-Fi công cộng và các nền tảng số phục vụ quản lý, dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và du lịch. Bố trí hợp lý quỹ đất, không gian kỹ thuật và hạ tầng truyền dẫn phục vụ Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của tỉnh. Tích hợp các giải pháp thông minh trong đầu tư giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, viễn thông và các hạ tầng thiết yếu khác, phù hợp các quy hoạch cấp trên và quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

5.11. Yêu cầu về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đề xuất giải pháp bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên nước, cảnh quan sinh thái và hành lang sông, suối; kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải; tăng cường phòng, chống thiên tai, sạt lở đất, lũ quét và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển đô thị.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống không gian xanh, mặt nước và hành lang sinh thái nhằm bảo đảm cân bằng môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

5.12. Yêu cầu về quốc phòng, an ninh và quản lý phát triển

- Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; xác định các khu vực, công trình có yêu cầu bảo vệ, hành lang an toàn và khả năng tiếp cận của phương tiện chuyên dụng.

- Bảo đảm quy hoạch có tính khả thi, phù hợp nguồn lực; xác định chương trình, dự án ưu tiên, phân kỳ đầu tư và cơ chế phối hợp quản lý, triển khai theo quy hoạch

5.13. Yêu cầu về tổ chức thực hiện quy hoạch

- Đề xuất danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn.

- Xác định nguồn lực thực hiện, cơ chế huy động vốn và giải pháp tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm sự phối hợp giữa cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan thẩm định, các sở, ngành, địa phương lân cận và đơn vị tư vấn; thường xuyên cập nhật số liệu, quy hoạch cấp trên và văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình lập đồ án.

6. Nhiệm vụ khảo sát địa hình

6.1. Mục đích khảo sát địa hình

Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2,5m nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho việc lập quy hoạch chung đô thị mới Minh Long.

6.2. Phạm vi khảo sát địa hình

Diện tích toàn xã (làm tròn) khoảng: 12.474 ha, trong đó:

+ Phần diện tích tận dụng số liệu khảo sát đã có của Quy hoạch chung đô thị Minh Long được phê duyệt là 1.292,70 ha;

+ Diện tích rừng phòng hộ không khảo sát khoảng 5.379,70 ha;

+ Diện tích rừng sản xuất không nghiên cứu khoảng 4.220,16ha;

+ Diện tích hồ chứa nước không khảo sát khoảng 239,21 ha;

Phần diện tích còn lại cần thực hiện khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch khoảng 1.342 ha.

6.3. Khối lượng khảo sát địa hình dự kiến

TT	Hạng mục công việc	Mức khó khăn	ĐVT	Khối lượng
A	Chi phí trực tiếp ngoại nghiệp			
1	Lưới cơ sở cấp 2	3	điểm	4
1.1	Chọn điểm, chôn mốc	3	điểm	4
1.2	Tìm điểm gốc tọa độ	3	điểm	3
1.3	Đo GNSS	3	điểm	4
2	Lưới đo vẽ cấp 1	3	điểm	14
2.1	Chọn điểm, chôn mốc	3	điểm	14
2.2	Đo GNSS	3	điểm	14
3	Lưới đo vẽ cấp 2	3	điểm	22
3.1	Chọn điểm, chôn mốc	3	điểm	22
3.2	Đo GNSS	3	điểm	22
4	Lưới độ cao kỹ thuật	3	km	14,5
4.1	Tìm điểm gốc độ cao	3	điểm	2
4.2	Đo cao thủy chuẩn hình học	3	km	14,5
5	Đo đạc địa hình tỷ lệ 1/5.000, KCD 2,5m, bằng công nghệ GNSS	3	mảnh	1,19
5.1	Đo vẽ chi tiết	3	mảnh	1,19
B	Chi phí trực tiếp nội nghiệp			

1	<i>Lưới cơ sở cấp 2</i>	3	<i>điểm</i>	4
1.1	Tính toán bình sai	3	điểm	4
2	<i>Lưới đo vẽ cấp 1</i>	3	<i>điểm</i>	14
2.1	Tính toán bình sai	3	điểm	14
3	<i>Lưới đo vẽ cấp 2</i>	3	<i>điểm</i>	22
3.1	Tính toán bình sai	3	điểm	22,0
4	<i>Lưới độ cao kỹ thuật</i>	3	<i>km</i>	14,5
4.1	Tính toán bình sai	3	km	14,5
5	<i>Đo đạc địa hình tỷ lệ 1/5.000, KCD 2,5m, bằng công nghệ GNSS</i>	3	<i>mảnh</i>	1,19
5.1	Lập bản vẽ	3	mảnh	1,19

(Chi tiết diễn giải khối lượng được đính kèm trong dự toán khảo sát)

7. Các yêu cầu về hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

Thực hiện theo Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 9/12/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

7.1. Phần văn bản

Thuyết minh tổng hợp gồm: thuyết minh, các văn bản pháp lý có liên quan, phụ lục kèm theo.

Tờ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự thảo quyết định phê duyệt.

Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

7.2. Phần bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng, tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ hiện trạng tổng hợp, tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng, tỷ lệ 1/5.000.
- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (kèm theo thuyết minh), tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị, tỷ lệ 1/5.000.
- Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn, tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị, tỷ lệ thích hợp.

7.3. Hồ sơ điện tử

Hồ sơ điện tử (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 16/2025/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

7.4. Số lượng hồ sơ, sản phẩm bàn giao: 07 bộ.

8. Các quy định về lấy ý kiến

- Đối tượng lấy ý kiến: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan.

- Nội dung lấy ý kiến là nội dung của quy hoạch chung đô thị.

- Hình thức, thời gian lấy ý kiến:

- + Việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia có liên quan về quy hoạch được thực hiện theo hình thức gửi hồ sơ để đối tượng lấy ý kiến nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản. Các cơ quan, tổ chức và chuyên gia được yêu cầu cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- + Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về quy hoạch được thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau: gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người dân; hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện các bước tiếp theo.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch trước khi trình thẩm định, trình phê duyệt. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai, minh bạch.

9. Dự toán kinh phí:

- Tổng giá trị dự toán (làm tròn): **5.212.069.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm mười hai triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Trong đó:

- + Chi phí lập nhiệm vụ và lập quy hoạch: 3.455.821.861 đồng;

- + Chi phí khác liên quan: 1.756.246.999 đồng.

10. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan tổ chức thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Minh Long;
- Hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn nhà thầu theo quy định;
- Thời gian dự kiến để hoàn thành việc lập quy hoạch: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn lập quy hoạch.

(Có hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch và các văn bản kèm theo)

UBND xã Minh Long kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét thẩm định Nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch chung đô thị mới Minh Long theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng: XDNNMT, TCCT, VHHX;
- C, PCVP HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Diết



https://drive.google.com/drive/folders/1x4kp08JvGzMYpaBwscxyIdxx1l_MJyCs?usp=sharing

(Đính kèm mã QR và link để xem đầy đủ hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch)